

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:108/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp con chung, tài
sản chung của vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Tuấn Điệp
Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp con chung, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị PTH, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số 45 PL, phường VM, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn: Anh NKV, sinh năm 1982, nơi ĐKNKTT: Số 45 VT6 PL, phường VM, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: 201, 31-88 Singil-dong, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Hàn Quốc, vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản khai, nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày:

Chị PHT và anh NKV trên cơ sở tìm hiểu, đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2006 tại UBND xã Phương Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khi anh NKV đi sang lao động tại Hàn Quốc theo dạng visa E7 thời hạn 01 năm. Từ khi sang Hàn Quốc, do anh V bận đi làm hàng ngày, nơi ở mới chưa ổn định, áp lực công việc mới, do cách xa địa lý và do bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề nên tình cảm vợ chồng bắt đầu phai nhạt, rạn nứt. Anh V vẫn liên lạc về với chị H nhưng dần chị H cảm thấy sự thờ ơ của chồng, anh V

không còn quan tâm gia đình như trước đây nữa. Sau khi sinh con thứ hai, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng trong cách nuôi dạy con, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, và trong quan hệ với họ hàng nội ngoại 2 bên. Khi mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm, ngày 09/02/2018 anh V về Việt Nam để vợ chồng hòa giải, tìm tiếng nói chung và để hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả, mâu thuẫn càng nghiêm trọng hơn. Anh V quay lại Hàn Quốc, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm, không liên lạc, hỏi thăm nhau nữa.

Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị H không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Anh V đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu L, sinh ngày 23/02/2008 và cháu P, sinh ngày 16/9/2016. Hiện 02 cháu đang ở với chị H. Ly hôn vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H đề nghị anh V trả tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo pháp luật.

Anh V đề nghị cấp dưỡng 2 con chung 5 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là diện tích 45,5m² đất tại thửa số 475 tờ bản đồ số VM-29 tại địa chỉ số 45 VT6 PL, phường VM, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Trên đất là ngôi nhà 02 tầng. Nguồn gốc là vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông C. Diện tích đất và tài sản trên đất này không cầm cố, thế chấp, hay có tranh chấp với ai. Hiện do chị H, các con đang quản lý. Ly hôn, vợ chồng thống nhất cho chị H được toàn quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trên đất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có sự thay đổi quan điểm tại bản tự khai đã gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử: Chị H được ly hôn với anh V. Giao 2 con chung cho chị H nuôi dưỡng; anh V cấp dưỡng nuôi con cho chị H 5.000.000đ / tháng. Giao cho chị H được quyền quản lý sử dụng diện tích 45,5m² đất và sở hữu vật kiến trúc trên đất bao gồm nhà ở sân công. Tạm giao cho chị H quản lý diện tích dư ra phía sau 17,6m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1]. Hiện bị đơn là anh NKV đang làm việc tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và việc xét xử vắng mặt anh V (theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt) đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2]. Xác định quan hệ hôn nhân: Anh NKV và chị PTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2006 tại UBND xã Phương Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 khi anh V đi lao động tại Hàn Quốc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc, môi trường mới và vợ chồng xa cách về mặt địa lý nên anh V không thường xuyên liên lạc, hỏi thăm chị H và gia đình. Sau khi chị H sinh con thứ hai, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng trong cách nuôi dạy con, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Anh V đã khắc phục về Việt Nam để vợ chồng hòa giải hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Xét thấy : Anh và chị H đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và anh V đều đề nghị được ly hôn nên cần chấp nhận giải quyết cho chị H được ly hôn với anh V phù hợp với quy định Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là L, sinh ngày 23/02/2008 và cháu P, sinh ngày 16/9/2016. Hai bên thỏa thuận giao cho chị H trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo pháp luật. Anh V đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con 5 triệu đồng/tháng. Xét việc nuôi con là trách nhiệm của cả bố và mẹ, mức cấp dưỡng anh V đưa ra là phù hợp với mức chi thực tế tại địa phương. Xét thấy việc thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung: Chị H và anh V khai tài sản chung của vợ chồng là diện tích 45,5m² đất tại thửa số 475 tờ bản đồ số VM-29 tại địa chỉ số 45 VT6 PL, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Trên đất là ngôi nhà 02 tầng. Khi ly hôn vợ chồng thống nhất cho chị H được toàn quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất là ngôi nhà 2 tầng.

Xét thấy: Diện tích đất trên có nguồn gốc là của bà N và ông X theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 647005 do UBND quận Ngô Quyền cấp ngày 14/5/2007. Bà N, ông X tặng cho con trai là anh C. Sau đó, anh V chị H nhận chuyển nhượng của anh C vào ngày 20/11/2015 và đã ghi chú việc chuyển nhượng

tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện các bên đều không có tranh chấp về việc chuyển nhượng này.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất trên có tổng diện tích theo hiện trạng sử dụng là $66,3\text{m}^2$ bao gồm: $45,5\text{m}^2$ phần diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn lại là $3,17\text{m}^2$ là phần diện tích rãnh thoát nước ở giữa nhà và $17,6\text{m}^2$ ở phía sau đều không nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 ngôi nhà 2 tầng xây diện tích $56,8\text{m}^2$, diện tích sân $9,27\text{m}^2$ có mái tôn kẽm, tường xây 1,5m, có 02 trụ cổng chiều rộng 1,3m. Như vậy, diện tích hiện trạng sử dụng dư ra so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do có thêm phần diện tích $17,6\text{m}^2$ ở phía sau nhà.

Song xét thấy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND quận Ngô Quyền chỉ cấp cho bà Ng và ông X diện tích $45,5\text{m}^2$ đất và nguyên đơn chỉ yêu cầu công nhận đối với diện tích $45,5\text{m}^2$. Như vậy Hội đồng xét xử chỉ công nhận diện tích $45,5\text{m}^2$ và vật kiến trúc trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh V và chị H nên chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh V và chị H, giao cho chị H được quyền sử dụng $45,5\text{m}^2$ đất và quyền sở hữu vật kiến trúc trên đất bao gồm công trình nhà ở, sân cổng tại thửa 457, tờ bản đồ số 29 tại số 45VT6 Phường Lưu, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Đối với diện tích không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $17,6\text{m}^2$ nằm phía sau nằm trong khuôn viên của diện tích đất thực tế đã tồn tại từ lâu các bên đang quản lý sử dụng không có ai tranh chấp phù hợp với Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, diện tích đất thêm phía sau này vẫn thuộc quyền sử dụng đất của bà Ng từ năm 2003 theo bản đồ địa chính phường lập năm 2003. Hội đồng xét xử tạm giao cho chị H quản lý sử dụng diện tích $17,6\text{m}^2$ đất tại thửa 457, tờ bản đồ số 29 tại số 45VT6 Phường Lưu, phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Khi bản án có hiệu lực, chị H có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp đổi lại hoặc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí lý hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh V phải chịu án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, chi, miễn, giảm án phí, lệ phí.

Về tài sản chung của vợ chồng: Do vợ chồng thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản nên không phải chịu án phí theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, chi, miễn, giảm án phí, lệ phí.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị PTH được ly hôn với anh NKV.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu L, sinh ngày 23/02/2008 và cháu P, sinh ngày 16/9/2013 cho chị PTH nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh NKV phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị PTH 5.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị PTH được quyền sử dụng diện tích 45,5m² và quyền sở hữu vật kiến trúc nhà 2 tầng và công trình phụ, cổng, sân trên đất tại thửa số 475 tờ bản đồ số VM-29 tại địa chỉ số 45 VT6 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI647005, vào sổ cấp số H02296 của UBND quận Ngô Quyền cấp cho bà N và ông X đã ghi chú sang tên anh V và chị H; tạm giao cho chị H diện tích 17,6 m² nằm phía sau nhà tại số thửa số 475 tờ bản đồ số VM-29 tại địa chỉ số 45 VT6 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp đổi lại hoặc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008505 ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Anh V phải nộp 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Phương Hưng, huyện Gia Lộc;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thành Biên - Đỗ Thị Thanh Tú

Nguyễn Thị Thu Thủy

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Hậu được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Khắc Văn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy